

Bản án số: 21/2024/HS-ST

Ngày 28-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa pH tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Chinh

2. Ông Nguyễn Văn Thụ

- Thư ký pH tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia pH tòa: Ông Trần Quang Ninh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn pH tòa số: 04/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Thị V, sinh năm 1984 tại xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Nơi cư trú: thôn L, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Công chức; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang Ứng và bà Nguyễn Thị Lạc; có chồng, 03 con; tiền án, tiền sự: Không; tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam do ông Giáp Văn C1 - Phó Phòng lao động thương binh và xã hội huyện Lục Nam đại diện theo ủy quyền (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan:

1. Ông Hoang Văn B, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Y, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

2. Bà Vi Thị X, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn O, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

3. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

4. Chị H1g Thị H, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn V1, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

5. Chị Nông Thị A, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;

6. Chị H1g Thị N, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn T, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
7. Chị Nguyễn Thị Z, sinh năm 1971 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
8. Chị Phùng Thị Q, sinh năm 1988 (có mặt)
Địa chỉ: thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
9. Ông Đinh Văn K1, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn L, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
10. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1981 (có mặt)
Địa chỉ: thôn C, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
11. Ông Chu Văn H1, sinh năm 1967 (có mặt)
Địa chỉ: thôn G, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
12. Ông Vũ Trí Bào, sinh năm 1962 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố M1, thị trấn Đ1, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
13. Ông Giáp Văn C1, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: thôn S2, xã L2, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
14. Chị Nguyễn Thị Ngát, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố V Động, thị trấn Đ1, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
15. Chị Phạm Thị X1, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: thôn H3, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
16. Chị Dương Thị Y5, sinh năm 1990 (có mặt)
Địa chỉ: tổ dân phố Z1, thị trấn Đ1, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
17. Ông Dương Công Định, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: thôn P2, xã Q2, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
18. Bưu điện huyện Lục Nam do bà Ngô Thị B4- Giám đốc bưu điện đại diện (vắng mặt).
19. Ủy ban nhân dân xã P do ông Đinh Văn K1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đại diện (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại pH tòa, nội dung vụ án được Tm tắt như sau:

Ngày 22/10/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra (sau đây viết tắt là CSĐT) Công an huyện Lục Nam nhận được đơn trình báo của ông Hoong Văn B, sinh năm 1965 trú tại thôn Y, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang với nội dung: tố cáo Trần Thị V, sinh năm 1984, trú tại thôn L, xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang là công chức văn hóa - xã hội xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang có dấu hiệu chiếm đoạt tiền trợ cấp hàng tháng đối tượng bảo trợ xã hội của bà Phùng Thị Bình, sinh năm 1941 (là mẹ đẻ của ông Hoong Văn B).

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của ông Hoong Văn B, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam đã thụ lý, tiến hành kiểm tra, xác minh xác định: Trần Thị V (địa chỉ nêu trên), được bổ nhiệm là Công chức xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (theo Quyết định số 330 ngày 28/02/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam). Ngày 21/02/2019, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện

Lục Nam ban hành Quyết định số 927, về việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác đối với Trần Thị V từ công chức Tư pháp - Hộ tịch sang đảm nhận chức danh Văn hóa - Xã hội xã P từ ngày 01/3/2019. Nhiệm vụ của Trần Thị V là theo dõi việc thực hiện chế độ chính sách Thương binh, Bệnh binh, Người có công với cách mạng trên địa bàn xã. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, Trần Thị V lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao đã làm sai hồ sơ đối với 21 (hai mươi một) trường hợp là đối tượng bảo trợ xã hội, chiếm đoạt và gây thiệt hại về tài sản cho ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Thứ nhất: Trong thời gian thực hiện nhiệm vụ được giao, hàng tháng căn cứ vào hồ sơ của các đối tượng được hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn xã P, Trần Thị V thiết lập danh sách, trình Lãnh đạo UBND xã ký duyệt, gửi đến Phòng Lao động thương binh xã hội (sau đây viết tắt là LĐ-TB&XH) huyện Lục Nam để rà soát, đối chiếu về số lượng tăng, giảm số đối tượng hưởng chế độ hàng tháng, tương ứng là số tiền trợ cấp bảo trợ xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng. Sau khi lập danh sách, Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam chuyển danh sách (bản giấy) và tiền đến Bru điện huyện Lục Nam để thực hiện việc chi trả (theo hợp đồng chi trả được ký kết hàng năm giữa Phòng LĐ-TB&XH với Bru điện huyện Lục Nam). Việc chi trả tiền trợ cấp cho các đối tượng trên địa bàn xã P được tiến hành tại Bru cục Suối Mỡ, xã P do nhân viên Bru cục thực hiện. Đối với các đối tượng được hưởng trợ cấp, sau khi chết hoặc không còn nằm trong diện được trợ cấp, không được hưởng trợ cấp, Trần Thị V đã không thực hiện báo cắt giảm kịp thời mà vẫn để danh sách kéo dài rồi tự mình đến Bru cục Suối Mỡ ký nhận và chiếm đoạt tiền trợ cấp mang tên 16 (mười sáu) người, với tổng số tiền là 65.624.000 đồng, cụ thể:

1. Ông Bùi Văn Tùng, sinh năm 1960, trú tại thôn Ninh Hải, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công, số tiền trợ cấp hàng tháng là 720.000 đồng. Ông Tùng chết ngày 17/7/2021, gia đình đã khai tử cùng ngày. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 23/4/2022 (kéo dài 09 tháng) mới báo cắt giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 6.480.000 đồng;

2. Ông Nguyễn Đình Lụa, sinh năm 1936, trú tại thôn Mã Tầy, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Ông Lụa chết ngày 25/8/2021, gia đình khai tử ngày 26/8/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 05/5/2022 (kéo dài 09 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 3.240.000 đồng;

3. Ông Bé Văn X, sinh năm 1937, trú tại thôn G, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Ông X chết ngày 23/4/2022, gia đình khai tử ngày 25/4/2022. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 16/5/2022 (kéo dài 01 tháng) mới báo giảm về Phòng Lao động thương binh xã hội huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 360.000 đồng;

4. Ông Đào Văn Lồng, sinh năm 1959, trú tại thôn Tè, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật đặc biệt nặng là người từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 900.000 đồng. Ngày 27/4/2022 ông Lồng chết, gia đình khai tử vào ngày 29/4/2022. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 21/5/2022 (kéo dài 01 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 900.000 đồng;

5. Bà Vũ Thị Ngó, sinh năm 1960, trú tại thôn Tè, xã P (là vợ ông Lồng). Bà Ngó hưởng chế độ Hộ gia đình chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng là người cao tuổi, số tiền được trợ cấp hàng tháng 360.000 đồng. Ngày 27/4/2022 ông Lồng chết, gia đình khai tử vào ngày 29/4/2022. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 21/5/2022 (kéo dài 01 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 360.000 đồng;

6. Bà Nguyễn Thị Nhung, sinh năm 1926, trú tại thôn Kỳ Sơn, xã P, hưởng chế độ người cao tuổi từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Bà Nhung chết ngày 23/01/2022, gia đình khai tử ngày 24/01/2022. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 21/4/2022 (kéo dài 03 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 1.080.000 đồng;

7. Bà Phan Thị Phēm, sinh năm 1923, trú tại thôn L, xã P, hưởng chế độ người cao tuổi từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 270.000 đồng. Bà Phēm chết ngày 13/8/2020, gia đình khai tử cùng ngày. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 15/12/2020 (kéo dài 04 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 1.080.000 đồng;

8. Ông Trần Văn Chiến, sinh năm 1949, trú tại thôn Nghĩa An, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật nặng là người từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 540.000 đồng. Ông Chiến chết ngày 13/01/2021, gia đình khai tử ngày 18/01/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 31/5/2021 (kéo dài 04 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 2.160.000 đồng;

9. Bà Phạm Thị Hiếng, sinh năm 1918, trú tại thôn C, xã P, hưởng chế độ người cao tuổi từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 270.000 đồng từ trước tháng 7 năm 2021; hưởng 360.000 đồng từ tháng 7 năm 2021. Bà Hiếng chết ngày 03/3/2021, gia đình khai tử ngày 09/3/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 30/9/2021 (kéo dài 06 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 1.890.000 đồng;

10. Ông H1g Thành Hùng, sinh năm 1942, trú tại thôn G, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật nặng là người từ đủ 80 tuổi, số tiền trợ cấp hàng tháng là 540.000 đồng. Ông Hùng chết ngày 29/3/2021, gia đình khai tử ngày 31/3/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng

tháng đến ngày 04/5/2021 (kéo dài 02 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 1.080.000 đồng;

11. Ông Đặng Bá Canh, sinh năm 1984, trú tại thôn Quỳnh Sảnh, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật đặc biệt nặng, số tiền trợ cấp hàng tháng là 720.000 đồng. Ông Canh chết ngày 23/7/2021, gia đình khai tử ngày 03/8/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 13/8/2022 (kéo dài 01 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 720.000 đồng;

12. Bà Trần Thị Thảo, sinh năm 1986, trú tại thôn Quỳnh Sảnh (vợ ông Canh), hưởng chế độ diện Hộ gia đình chăm sóc người khuyết tật đặc biệt nặng, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Ông Canh chết ngày 23/7/2021, gia đình khai tử ngày 03/8/2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến ngày 13/8/2022 (kéo dài 01 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 360.000 đồng;

13. Ông Vũ Văn Đang, sinh năm 1947, trú tại thôn L, xã P, hưởng chế độ thương binh, số tiền trợ cấp hàng tháng là 2.841.000 đồng. Ngày 18/7/2021 ông Đang chết, sau đó thân nhân của ông Đang đã đi khai tử trong tháng. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến tháng 9 năm 2021 (kéo dài 02 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 5.682.000 đồng;

14. Ông Nguyễn Văn Ba, sinh năm 1959, trú tại thôn C, xã P, hưởng chế độ thương binh 81%, bệnh binh 61% kèm theo chế độ người phục vụ thương binh, tổng mức trợ cấp hàng tháng là 9.496.000 đồng. Ngày 12/01/2021 ông Ba chết, gia đình đã làm thủ tục khai tử trong tháng 01 năm 2021. Trần Thị V không báo cắt giảm mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến tháng 3 năm 2021 (kéo dài 02 tháng) mới báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam để chiếm đoạt số tiền 18.992.000 đồng;

15. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1988, trú tại thôn Tè, xã P, hưởng chế độ đối tượng bảo trợ xã hội đơn thân nuôi hai con nhỏ thuộc hộ nghèo, số tiền trợ cấp hàng tháng là 1.020.000 đồng. Tháng 12 năm 2019 gia đình bà A thoát nghèo, không được hưởng chế độ nữa. Trần Thị V không báo cắt giảm về Phòng LĐ-TB&XH mà để kéo dài thời gian hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng đến tháng 6 năm 2021 (kéo dài 18 tháng) để chiếm đoạt số tiền là 18.360.000 đồng;

16. Bà Phùng Thị Bình, sinh năm 1941, trú tại thôn Y, xã P không được hưởng chế độ theo quy định. Ngày 25/6/2021 bà Bình chuyển khẩu vào thôn 8, xã Đắc Ru, huyện Đắc Lập, tỉnh Đắc Nông. Bà Bình chết vào ngày 04/8/2021 tại Đắc Nông, gia đình đã khai tử tại Đắc Nông. Ngày 16/8/2021, Trần Thị V thiết lập hồ sơ sai để bà Bình được hưởng chế độ người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên với mức trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. V chiếm đoạt số tiền trợ cấp từ tháng 8 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 (kéo dài 08 tháng) với tổng số tiền là 2.880.000 đồng.

- Thứ hai: Theo quy định, đối tượng được hưởng đồng thời hai chế độ là trợ cấp bảo trợ xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng khi chết sẽ được hưởng một trong hai loại tiền mai táng phí là mai táng phí người có công hoặc mai táng phí đối tượng bảo trợ xã hội. Tuy nhiên, sau khi lập hồ sơ giải quyết chế độ cho thân nhân đối tượng hưởng mai táng phí, Trần Thị V tiếp tục thiết lập hồ sơ, trình lãnh đạo UBND xã P ký Công văn đề nghị hưởng mai táng phí lần 2 trái quy định. Khi được hưởng số tiền này thì Trần Thị V tự ký nhận. Bằng thủ đoạn này, Trần Thị V đã thiết lập hồ sơ mang tên tổng số 04 người, gây thiệt hại tổng số tiền 27.000.000 đồng (trong đó V chiếm đoạt 12.600.000 đồng của 02 hồ sơ mang tên 02 người; hồ sơ mang tên 02 người bị phát hiện, thu hồi với số tiền 14.400.000 đồng) và thiết lập hồ sơ mang tên 01 người hưởng sai chế độ mai táng phí gây thất thoát ngân sách với tổng số tiền là 7.200.000 đồng, cụ thể:

1. Ông Bùi Văn Tùng, sinh năm 1960 trú tại thôn Ninh Hải, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công. Sau khi ông Tùng chết ngày 17/7/2021 gia đình đã khai tử, làm thủ tục hưởng mai táng phí theo chế độ người có công với mức hưởng là 14.900.000 đồng và đã được chi trả. Sau đó Trần Thị V tiếp tục làm hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí của ông Tùng theo chế độ đối tượng bảo trợ xã hội để chiếm đoạt số tiền 7.200.000 đồng;

2. Ông Ma Văn Chiến, sinh năm 1929 trú tại thôn Dùm, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công. Ông Chiến chết 14/3/2021 gia đình đã khai tử, làm thủ tục hưởng chế độ mai táng phí theo chế độ người có công mức hưởng là 14.900.000 đồng và đã được chi trả. Sau đó Trần Thị V tiếp tục làm hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí của ông Chiến theo chế độ đối tượng bảo trợ xã hội để chiếm đoạt số tiền 5.400.000 đồng;

3. Ông Nguyễn Đình Lua, sinh năm 1936, trú tại thôn Mã Tây, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công. Ông Lua chết ngày 25/8/2021 gia đình đã làm thủ tục khai tử, làm thủ tục hưởng chế độ mai táng phí theo chế độ người có công với mức hưởng 14.900.000 đồng và đã được chi trả. Sau đó Trần Thị V tiếp tục làm hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí của ông Lua theo chế độ đối tượng bảo trợ xã hội để chiếm đoạt số tiền 7.200.000 đồng (số tiền này V chưa nhận, đã có quyết định thu hồi);

4. Ông Bé Văn X, sinh năm 1937, trú tại thôn G, xã P, hưởng chế độ người khuyết tật là người từ đủ 80 tuổi và người có công. Ông X chết ngày 23/4/2022 gia đình đã làm thủ tục khai tử, làm thủ tục hưởng chế độ mai táng phí theo chế độ người có công với mức hưởng 14.900.000 đồng và đã được chi trả. Sau đó Trần Thị V tiếp tục làm hồ sơ hưởng chế độ mai táng phí của ông X theo chế độ đối tượng bảo trợ xã hội để chiếm đoạt số tiền 7.200.000 đồng (số tiền này V chưa nhận đã có quyết định thu hồi);

5. Bà Phùng Thị Bình, sinh năm 1941, trước đây cư trú tại thôn Y, xã P, huyện Lục Nam, đến tháng 6 năm 2021 bà Bình chuyển hộ khẩu thường trú đến thôn 8, xã Đắc Ru, huyện Đắc Lập, tỉnh Đắc Nông để sinh sống cùng con trai, bà Bình không được hưởng chế độ mai táng phí. Bà Bình chết ngày 04/8/2021 tại Đắc Nông, gia đình đã khai tử tại Đắc Nông. Ngày 26/4/2022, Trần Thị V làm

giấy chứng tử của bà Bình, thiết lập hồ sơ cho hưởng mai táng phí theo chế độ đối tượng bảo trợ xã hội với số tiền là 7.200.000 đồng.

Ngoài ra, cũng trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, Trần Thị V có hành vi thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền 33.300.000 đồng, cụ thể:

- Thứ nhất: Trần Thị V đã thiết lập hồ sơ không đúng đối tượng cho 02 người hưởng chế độ bảo trợ xã hội, gây thất thoát ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 22.500.000 đồng, cụ thể:

1. Bà Vi Thị X, sinh năm 1955 trú tại thôn O, xã P: Bà X là người thuộc hộ nghèo, ở một mình tại thôn O, xã P, huyện Lục Nam, có một người con gái đã đi lấy chồng năm 2017, không thuộc diện đối tượng người cô đơn nên không được hưởng chế độ bảo trợ xã hội hàng tháng. Khi thẩm định hồ sơ thì Trần Thị V thẩm định sai, xác định bà Vi Thị X thuộc diện người từ đủ 60 đến 80 tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo nên được hưởng chế độ 540.000 đồng đến tháng 6 năm 2021 và hưởng 720.000 đồng từ tháng 7 năm 2021. Trần Thị V đã làm thủ tục cho bà X hưởng chế độ sai từ tháng 12 năm 2019 đến tháng 7 năm 2022 (hưởng sai 32 tháng) với tổng số tiền là 19.620.000 đồng;

2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1947 trú tại thôn M, xã P: Bà K là người thuộc hộ nghèo, có con nhưng không ở cùng con mà ở một mình tại thôn M, xã P. Bà K không thuộc diện đối tượng người già cô đơn, nên không được hưởng bảo trợ xã hội hàng tháng. Khi thẩm định hồ sơ thì V thẩm định sai, xác định bà Nguyễn Thị K thuộc diện người từ đủ 60 đến 80 tuổi cô đơn thuộc hộ nghèo nên được hưởng chế độ hàng tháng là 720.000 đồng. Trần Thị V đã làm thủ tục cho bà K hưởng chế độ sai từ thời gian tháng 04 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 (hưởng sai 04 tháng) với tổng số tiền là 2.880.000 đồng;

- Thứ hai: Không báo cắt giảm kịp thời cho 04 trường hợp gây thất thoát ngân sách Nhà nước với tổng số tiền là 10.800.000 đồng, cụ thể:

1. Bà H1g Thị H, sinh năm 1976 trú tại thôn V1, xã P, hưởng chế độ đối tượng bảo trợ xã hội đơn thân nuôi một con nhỏ thuộc hộ nghèo, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Tháng 01 năm 2022 gia đình bà H thoát nghèo không được hưởng chế độ nữa. Trần Thị V không báo cắt giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam mà vẫn để bà H hưởng chế độ sai từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 (kéo dài 07 tháng) với tổng số tiền là 2.520.000 đồng;

2. Bà Nông Thị A, sinh năm 1975, trú tại thôn G, xã P, hưởng chế độ đối tượng bảo trợ xã hội đơn thân nuôi một con nhỏ thuộc hộ nghèo, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Tháng 01 năm 2022 gia đình bà A thoát nghèo, không được hưởng chế độ nữa. Trần Thị V không báo cắt giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam mà vẫn để bà A hưởng chế độ sai từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 7 năm 2022 (kéo dài 07 tháng) với tổng số tiền là 2.520.000 đồng;

3. Bà H1g Thị N, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã P, hưởng chế độ đối tượng bảo trợ xã hội đơn thân nuôi hai con nhỏ thuộc hộ nghèo, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Tháng 10 năm 2021 một người con của bà N chết, không

được hưởng chế độ nữa. Trần Thị V không báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam mà vẫn để bà N hưởng chế độ sai từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 7 năm 2022 (kéo dài 09 tháng) với tổng số tiền là 3.240.000 đồng;

4. Bà Phạm Thị Tuyết, sinh năm 1927, trú tại thôn G, xã P, hưởng hai chế độ tử tuất liệt sỹ và chế độ bảo trợ xã hội, số tiền trợ cấp hàng tháng là 360.000 đồng. Tháng 12 năm 2021 bà Tuyết chết, Trần Thị V không báo giảm về Phòng LĐ-TB&XH huyện Lục Nam vẫn để gia đình bà Tuyết đến nhận tiền bảo trợ xã hội hàng tháng từ tháng 01 tháng 2022 đến tháng 7 tháng 2022 (kéo dài 07 tháng) với tổng là 2.520.000 đồng.

Bằng các phương thức, thủ đoạn nêu trên, Trần Thị V đã gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền là: 133.124.000 đồng. Trong đó, Trần Thị V chiếm đoạt số tiền là 78.224.000 đồng; số tiền gây thất thoát cho Nhà nước là 54.900.000 đồng, (trong đó phát hiện thu hồi 14.400.000 đồng). Trần Thị V đã tự nguyện khắc phục, nộp lại ngân sách nước số tiền 78.584.000 đồng, vận động người dân hưởng sai chế độ nộp lại ngân sách Nhà nước số tiền 24.660.000 đồng, số tiền người dân hưởng sai chưa nộp lại là 15.840.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 92/CT-VKS ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang truy tố Trần Thị V theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại pH tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Thị V phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Áp dụng: Khoản 1, khoản 4 Điều 356 Bộ luật hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị V với mức án từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 03 năm.

Về vật chứng; trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan không có khiếu nại gì. Tại pH tòa, bị cáo; đại diện cho bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan có mặt cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét, Quyết định hoãn pH tòa cho những người tham gia tố tụng trong vụ án. Tuy nhiên, tại pH tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, một số người vắng mặt tại pH tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Tại cơ quan điều tra cũng như tại pH tòa, bị cáo Trần Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu ở trên. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, Trần Thị V là công chức Văn hóa - Xã hội xã P, có nhiệm vụ tham mưu cho UBND xã quản lý về lĩnh vực Lao động - Thương binh và Xã hội; theo dõi việc thực hiện chế độ chính sách Thương binh, Bệnh binh, Người có công với cách mạng trên địa bàn xã. Trần Thị V đã có hành vi không báo cắt giảm, để kéo dài 16 trường hợp sau khi chết không còn được hưởng trợ cấp hoặc không còn nằm trong diện được trợ cấp, để chiếm đoạt số tiền 65.624.000 đồng; lập hồ sơ hưởng chế độ tiền mai táng phí lần hai sai quy định 04 trường hợp; 01 trường hợp cho hưởng sai tiền mai táng phí, để chiếm đoạt tổng số tiền 12.600.000 đồng, gây thất thoát ngân sách Nhà nước 21.600.000 đồng. Thiết lập hồ sơ không đúng đối tượng, sai quy định 02 hai trường hợp hưởng tiền trợ cấp, gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước số tiền 22.500.000 đồng và không báo cắt giảm kịp thời cho 04 trường hợp không còn được hưởng tiền trợ cấp, gây thất thoát ngân sách Nhà nước số tiền 10.800.000 đồng. Tổng số tiền Trần Thị V chiếm đoạt, làm thất thoát cho ngân sách Nhà nước là 133.124.000 đồng (số tiền V chiếm đoạt là 78.224.000 đồng; số tiền gây thất thoát cho Nhà nước là 54.900.000 đồng).

[3] Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào vì vụ lợi hoặc động cơ cá nhân khác mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ gây thiệt hại về tài sản từ 10.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng hoặc gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm”*. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” quy định tại khoản 1 Điều 356 Bộ luật hình sự.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm nghiêm trọng đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức, làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, giảm lòng tin của nhân dân vào đường lối, chính sách của Nhà nước. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét đến nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3.1] Về nhân thân: Trước khi thực hiện hành vi phạm tội lần này, bị cáo có nhân thân tốt.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại pH tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ số tiền gây thất thoát cho ngân sách Nhà nước, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Lục Nam tặng Giấy khen vì có thành tích tiêu biểu trong công tác văn phòng năm 2014; bố đẻ bị cáo là thương binh hạng 7/8 (mất 85% sức khỏe), được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng ba vì đã có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được Hội người mù Việt Nam tặng kỷ niệm chương, tặng bằng khen các năm 2009, 2011 vì đã có nhiều thành tích trong công tác của hội; đại diện cho bị hại tại pH tòa xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Xét thấy không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Khoản 4 Điều 356 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng”*. Ngoài hình phạt chính là hình phạt tù, cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, nhưng xét H1 cảnh kinh tế của bị cáo còn nhiều khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Nếu tiếp tục để bị cáo đảm nhiệm công việc cũ có thể sẽ gây nguy hại cho xã hội, nên cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ có X1 quan đến việc giải quyết chế độ chính sách từ ngân sách Nhà nước đối với mọi đối tượng trong thời gian 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Đối với 16 trường hợp Trần Thị V không báo cáo giảm kịp thời (trong đó có trường hợp bà Bình thiết lập hồ sơ sai) và 04 trường hợp thiết lập hồ sơ sai để hưởng chế độ mai táng phí lần thứ hai trái quy định, mục đích là để chiếm đoạt tiền chi tiêu cho bản thân; 01 trường hợp người hưởng sai chế độ mai táng phí vì động cơ cá nhân khác. Thiết lập hồ sơ không đúng đối tượng cho 02 người để hưởng chế độ bảo trợ xã hội và không báo cáo giảm kịp thời cho 04 trường hợp gây thất thoát ngân sách nhà nước, là do V tin tưởng tờ khai của các đối tượng xin hưởng, thiếu trách nhiệm trong việc thẩm tra, xác minh, rà soát, V không có mối quan hệ họ hàng, không được hưởng lợi ích gì từ những người này. Đối với hành vi tham mưu cho lãnh đạo UBND xã P ký Công văn đề nghị UBND huyện Lục Nam cho 03 đối tượng hưởng không đúng chế độ gây thất thoát số tiền 29.700.000 đồng; thiếu kiểm tra, rà soát, không kịp thời báo giảm cho 04 trường hợp gây thất thoát số tiền 10.800.000 đồng. Tổng số tiền gây thất thoát là 59.400.000 đồng, trừ đi 14.400.000 đồng thu hồi được, còn 40.500.000 đồng. Quá trình điều tra xác định Trần Thị V tuy không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, nhưng không được

hưởng lợi ích gì, không có mục đích, động cơ cá nhân khác; số tiền gây thiệt hại chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây Z quả nghiêm trọng” theo quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự. Do vậy, Cơ quan CSĐT Công an huyện Lục Nam không xem xét xử lý đối với Trần Thị V là có cơ sở.

[7] Đối với bà Phùng Thị Q- Phó Chủ tịch UBND xã trực tiếp ký xác nhận trong tờ khai đề nghị hỗ trợ mai táng phí, Công văn đề nghị UBND huyện Lục Nam đề nghị cho hưởng mai táng phí sai cho 03 trường hợp là ông Bùi Văn Tùng, ông Ma Văn Chiến và bà Phùng Thị Bình với số tiền 19.800.000 đồng; ông Đinh Văn K1-Chủ tịch UBND xã trực tiếp ký Công văn đề nghị UBND huyện Lục Nam cho 02 trường hợp hưởng chế độ bảo trợ xã hội sai quy định là bà Phùng Thị Bình, bà Nguyễn Thị K với số tiền 5.760.000 đồng; ông Nguyễn Văn T1- Phó Chủ tịch UBND xã trực tiếp ký Công văn đề nghị UBND huyện Lục Nam cho 02 trường hợp hưởng mai táng phí sai quy định là ông Bế Văn X, ông Nguyễn Đình Lua với số tiền 14.400.000 đồng; ông Chu Văn H1- Bí thư Đảng ủy xã, kiêm Chủ tịch Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội- Chủ trì pH họp, trực tiếp ký duyệt cho 01 trường hợp hưởng chế độ bảo trợ xã hội sai quy định là bà Vi Thị X với số tiền 19.620.000 đồng. Ông Vũ Trí Bào- Nguyên Trưởng phòng LĐ-TB&XH huyện, ông Giáp Văn C1- Phó Trưởng phòng LĐ-TB&XH huyện, bà Nguyễn Thị Ngát- Cán bộ phòng LĐ-TB&XH huyện được giao kiểm tra, giám sát 03 hồ sơ mai táng phí và 02 hồ sơ bảo trợ xã hội là ông Bùi Văn Tùng, ông Ma Văn Chiến, bà Phùng Thị Bình và bà Vi Thị X, bà Nguyễn Thị K với tổng số tiền là 42.300.000 đồng; ông Dương Công Định- Phó Chủ tịch UBND huyện trực tiếp ký cho 03 trường hợp hưởng sai chế độ mai táng phí là ông Bùi Văn Tùng, ông Ma Văn Chiến, bà Phùng Thị Bình với số tiền 19.800.000 đồng; ông Nguyễn Đức Toàn- Nguyên Phó chủ tịch UBND huyện trực tiếp ký quyết định cho 01 trường hợp hưởng sai chế độ là bà Vi Thị X với số tiền 19.620.000 đồng. Chị Phạm Thị X1; chị Dương Thị Y5 là nhân viên của bưu điện huyện Lục Nam trực tiếp chi trả tiền cho Trần Thị V sai quy định với tổng số tiền 65.624.000 đồng (chị X1 chi trả số tiền 56.444.000 đồng; chị Y5 chi trả 9.180.000 đồng). Quá trình điều tra xác định những người có tên trên không được Trần Thị V bàn bạc, không được hứa hẹn, hưởng lợi ích gì từ Trần Thị V, do vậy không có dấu hiệu đồng phạm với Trần Thị V về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Số tiền những người này gây thất thoát cho ngân sách nhà nước chưa đủ yếu tố cấu thành tội “Thiếu trách nhiệm gây Z quả nghiêm trọng” quy định tại Điều 360 Bộ luật hình sự. Ngày 22/10/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Nam đã có Công văn số 100/CQCSĐT, kiến nghị xem xét trách nhiệm đối với các cá nhân, tập thể có X1 quan đến vụ việc theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố, Trần Thị V đã tự nguyện nộp lại ngân sách nước số tiền do bị cáo đã chiếm đoạt là 78.224.000 đồng, vận động người dân hưởng sai chế độ nộp lại ngân sách nhà nước số tiền 24.660.000 đồng. Đối với số tiền người dân hưởng sai chế độ chưa giao nộp lại là 15.840.000 đồng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Trần Thị V đã tự nguyện nộp hết và không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét. Bị cáo có quyền khởi kiện

yêu cầu những người hưởng sai chế độ phải H1 trả lại số tiền 15.840.000 đồng bằng một vụ án khác.

[9] Về vật chứng: Không có vật chứng nào cần phải xử lý nên không đặt ra xem xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 41; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị V 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời gian thử thách là 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật thi hành án hình sự.

Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ X1 quan đến việc giải quyết chế độ chính sách cho mọi đối tượng từ ngân sách Nhà nước trong thời hạn 02 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trần Thị V phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Báo cho bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ X1 quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Công an huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PH TÒA**

- *Sở tư pháp tỉnh;*
- *UBND xã P;*
- *Lưu hồ sơ, v/p.*

Nguyễn Văn Huân